

Số: 49/2025/QĐST-HNGĐ

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 67/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1994;

2. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số nhà B Q, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T (Nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa) vào năm 2016. Do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bản thân hai vợ chồng cũng nhiều lần nói chuyện để hòa giải với nhau nhưng không hàn gắn được. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 12 năm 2024 đến nay. Nay, anh chị đều thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H, anh T thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về việc thuận tình ly hôn là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Chị H và anh T thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 11/8/2016 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30/9/2021. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai cháu là 5.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy việc thỏa thuận của anh,

chị về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Chị H và anh T thỏa thuận chị H chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 11/8/2016 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30/9/2021. Ly hôn, giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) (Hai cháu là 5.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đoàn Thị H chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0002530 ngày 03/11/2025, chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1 Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND P. H, tỉnh Thanh Hóa;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Linh